TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 0**6**/2024/QĐST-LĐ	*P, ngày 15 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNHSƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v "Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu"

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Việt Hưng.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Ngọc Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 06/2024/TLST-LĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2024/QĐST-VDS ngày 30 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên họp giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-VDS ngày 05 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Đào Thị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu E, xã H, thành phố V, tỉnh P. (Có đơn xin vắng mặt tại phiên họp).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần S; Địa chỉ trụ sở: Cụm K, xã P, huyện P, tỉnh P.

Đại diện theo pháp luật: ông Lee Dong H - chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần S

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1997- Chức vụ: Nhân viên phòng nhân sự Công ty cổ phần S. (Có quan điểm xin vắng mặt).

2. Chị Đào Thị T1, sinh năm 1992; Địa chỉ: khu F, xã T, huyện P, tỉnh P. (Có đơn xin vắng mặt tại phiên họp).

3. Bảo hiểm xã hội huyện P, tỉnh P; Địa chỉ: khu Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh P.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang P - Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện P, tỉnh P. (Có đơn xin vắng mặt tại phiên họp).

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, trong quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu và bản tự khai, người yêu cầu giải quyết việc dân sự chị Đào Thị T trình bày:

Do có quan hệ quen biết là chị em và thiếu hiểu biết pháp luật nên chị có cho chị Đào Thị T1 mượn Giấy chứng minh nhân dân của chị. Mục đích để xin đi làm công ty, chị T1 dùng CMND của chị để tham gia làm việc tại Công ty cổ phần S có địa chỉ tại Cụm C, xã P, huyện P, tỉnh P từ tháng 02/2010 và được công ty Đ, sổ bảo hiểm số 2510009084 từ tháng 02/2010 đến tháng 05/2010.

Từ tháng 02/2010 đến tháng 5/2010 chị có làm tại Công ty TNHH S1 có địa chỉ tại: khu công nghiệp T, thành phố V, tỉnh P và có đóng Bảo hiểm xã hội 2508008567 từ tháng 8/2007 đến nay.

Hiện nay, khi đến thời gian thanh toán bảo hiểm xã hội, chị đã phát hiện ra tên trong hồ sơ bảo hiểm của chị trùng với một hồ sơ bảo hiểm khác là sổ Bảo hiểm xã hội của chị Đào Thị T1 mượn tên của chị có số Bảo hiểm xã hội là 2510009084 mang tên Đào Thị T làm việc tại Công ty cổ phần S. Vì lý do trên nên chị đã không rút được Bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2010 đến tháng 05/2010 do chị T1 đăng ký trùng.

Nay chị yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Đào Thị T (thực tế do chị Đào Thị T1 ký) với Công ty cổ phần S là vô hiệu và đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu, điều chỉnh tên trong hồ sơ bảo hiểm cho người lao động thực tế là chị T1, thời gian từ tháng 02/2010 đến tháng 05/2010.

Trong quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu và tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Đào Thị T1 trình bày:

Do có quan hệ quen biết chị em nên chị Đào Thị T có cho chị mượn Giấy chứng minh nhân dân của chị T, mục đích của chị là để xin đi làm Công ty cổ phần S có địa chỉ tại Cụm C, xã P, huyện P, tỉnh P từ tháng 02/2010 và được công ty Đ, sổ bảo hiểm số 2510009084 từ tháng 02/2010 đến tháng 05/2010.

Cũng trong thời gian từ tháng 02/2010 đến tháng 05/2010 chị T2 có làm tại Công ty TNHH S1 có địa chỉ tại: khu công nghiệp T, thành phố V, tỉnh P và có đóng Bảo hiểm xã hội 2508008567 từ tháng 8/2007 đến nay.

Hiện nay, khi đến thời gian thanh toán bảo hiểm xã hội, chị T đã phát hiện ra tên trong hồ sơ bảo hiểm bị trùng với một hồ sơ bảo hiểm khác là sổ Bảo hiểm xã hội của chị mượn tên của chị T có số Bảo hiểm xã hội là 2510009084 mang tên Đào Thị T làm việc tại Công ty cổ phần S. Vì lý do trên nên chị T đã không rút được Bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2010 đến tháng 05/2010 do chị đăng ký trùng.

Nay chị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Đào Thị T với Công ty cổ phần S là vô hiệu và yêu cầu chuyển tên hợp đồng lao động mang tên Đào Thị T từ tháng 02/2010 đến tháng 05/2010 tại Công ty cổ phần S sang tên của chị thì chị đồng ý với toàn bộ yêu cầu của chị T.

Trong quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu và bản tự khai, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần S2, bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Ngày 01/02/2010 Công ty cổ phần S có ký hợp đồng lao động với chị Đào Thị T, sinh năm 1989 (trên thực tế là chị Đào Thị T1, sinh năm 1992 nhưng công ty không biết việc đó). Hợp đồng lao động theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã tiến hành đóng Bảo hiểm xã hội cho chị T (trên thực tế chị T1 là người trực tiếp lao động) theo sổ bảo hiểm số 2510009084 mang tên chị T từ tháng 02/2010 đến tháng 05/2010. Sau đó Công ty đã cho chị T (trên thực tế chị T1 là người trực tiếp lao động) nghỉ việc kể từ ngày 02/6/2010.

Hiện nay chị Đào Thị T đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng lao động nêu trên vô hiệu vì theo chị T trình bày là có sự lừa dối: Cụ thể là chị Đào Thị T1, sinh năm 1992 đã lấy 01 bộ hồ sơ của chị Đào Thị T để xin vào làm việc tại Công ty cổ phần S. Thời điểm đó chị T đang làm tại Công ty TNHH S1 và chị T có đóng bảo hiểm tại Công ty TNHH S1. Việc chị T1 dùng hồ sơ của chị T để ký hợp đồng lao động, Công ty không biết.

Quan điểm của Công ty với yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Đào Thị T như sau: Đề nghị Tòa án giải quyết việc lao động, tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty và chị Đào Thị T (do chị Đào Thị T1 lấy hồ sơ để xin việc vào công ty) là vô hiệu theo quy định pháp luật, về việc giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu, điều chỉnh tên trong hồ sơ bảo hiểm cho người lao động thực tế, quan điểm của công ty là yêu cầu giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho Công ty cổ phần S cũng như các đương sự khác.

Hiện nay hồ sơ xin việc trong đó có Hợp đồng lao động của công nhân thời điểm năm 2010-2012 Công ty không còn lưu giữ nên không cung cấp cho Tòa án hợp đồng lao động được.

Ngoài ra do công việc bận nên Công ty đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong tất cả các phiên họp và quá trình giải quyết vụ việc tại Tòa án.

Trong quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu và bản tự khai, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện P, tỉnh P, ông Bùi Quang P trình bày:

Qua rà soát bảo hiểm xã hội trên hệ thống, Bảo hiểm xã hội huyện P phát hiện trường hợp bà Đào Thị T, sinh năm 1989, ở khu E, xã H, thành phố V, tỉnh P có hai số sổ bảo hiểm xã hội, bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 02/2010 đến tháng 05/2010, cụ thể:

Số sổ 1: 2508008567 được cấp tại Công ty TNHH S1, Khu công nghiệp T, thành phố V, tỉnh P.

Số sổ 2: 2510009084 được cấp tại Công ty cổ phần S2, Cụm C - xã P - huyện P - tỉnh P.

Tháng 02/2010 bà Đào Thị T1 (người mượn hồ sơ) đi làm tại Công ty cổ phần S2 và tham gia Bảo hiểm xã hội theo mã số 2510009084. Thời điểm đó bà Đào Thị T đang làm việc và có tham gia BHXH tại Công ty TNHH S1 theo mã số 2508008567.

Nay bà Đào Thị T trình bày là do thiếu hiểu biết pháp luật nên đã cho bà Đào Thị T1 mượn hồ sơ để đi làm, cụ thể bà Đào Thị T1 là do có quan hệ quen biết với bà Đào Thị T có mượn 01 bộ hồ sơ, sơ yếu lý lịch mang tên của bà Đào Thị T để xin vào làm tại Công ty cổ phần S2. Trong thời gian bà Đào Thị T1 làm việc dưới tên bà Đào Thị T tại Công ty cổ phần S2, thì bà Đào Thị T đang làm việc tại Công ty TNHH S1, vì vậy người ký kết hợpđồng lao động với Công ty cổ phần S2 là bà Â, Đào Thị T1.

Đối với việc đóng Bảo hiểm xã hội: Sau khi công ty và người lao động ký hợp đồng lao động, công ty sẽ gửi hồ sơ, danh sách người lao động đến cơ quan Bảo hiểm xã hội để làm thủ tục đóng Bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Điều này đã dẫn đến việc bà Đào Thị T có 02 số sổ Bảo hiểm xã hội trùng thời gian đóng Bảo hiểm xã hội tại 02 nơi làm việc khác nhau.

Quan điểm của Bảo hiểm xã hội huyện P: Bảo hiểm xã hội huyện P, tỉnh P đề nghị Toà án tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Đào Thị T (do chị Đào Thị T1 ký) là vô hiệu; điều chỉnh thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ 02/2010 đến tháng 05/2010 tại tại Công ty cổ phần S2 mang tên Đào Thị T sang cho chị Đào Thị T1, sinh ngày 07/07/1992 với số sổ bảo hiểm xã hội là 2510009084.

Ngoài ra do công việc bận nên Bảo hiểm xã hội huyện P đề nghị được vắng mặt trong phiên họp giải quyết việc dân sự của Tòa án.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến và đề nghị: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện P: Căn cứ vào Điều 33, Điều 35, Điều 39, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401 và Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 và Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Đào Thị T. Đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa tại Công ty cổ phần S2 với chị Đào Thị T (do chị Đào Thị T1 ký kết) là vô hiệu và đề nghị Tòa án yêu cầu bảo hiểm xã hội huyện P, tỉnh P điều chỉnh thời gian đóng bảo hiểm từ 02/2010 đến tháng 05/2010 tại tại Công ty cổ phần S2 mang tên Đào Thị T sang cho chị Đào Thị T1, sinh ngày 07/07/1992 với số sổ bảo hiểm xã hội là 2510009084.

Về lệ phí: Chị Đào Thị T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện P nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh thời gian đóng bảo hiểm xã hội trùng, đây là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 33 Bộ luật tố tụng Dân sự. Hợp đồng lao động ký kết giữa tại Công ty cổ phần S2 với chị Đào Thị T được ký kết tại trụ sở tại Công ty cổ phần S2 thuộc Cụm C, xã P, huyện P, tỉnh P nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

Đối với yêu cầu của chị Đào Thị T đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa tại Công ty cổ phần S2 với chị Đào Thị T (do chị Đào Thị T1 ký kết) là vô hiệu. Xét thấy: Chủ sử dụng lao động là tại Công ty cổ phần S2 là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân được tuyển dụng theo đúng quy định của Bộ luật lao động.Về chủ thể trong giao kết hợp đồng: Người đại diện theo pháp luật của tại Công ty cổ phần S2 là người sử dụng lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ có quyền ký kết hợp đồng, trong đó người lao động là chị Đào Thị T1 đã lấy hồ sơ của chị Đào Thị T để tham gia giao kết hợp đồng, không trung thực và lừa dối trong việc cung cấp thông tin, hồ sơ cá nhân cho Công ty nên đã vi phạm nguyên tắc "trung thực" và không đúng chủ thể tham gia ký kết hợp đồng theo quy định tại Điều 132, Điều 389 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994. Vì vậy, yêu cầu của chị Đào Thị T đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa tại Công ty cổ phần S2 với chị Đào Thị T (do chị Đào Thị T1 ký) là vô hiệu toàn bộ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về xử lý hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Do việc ký kết hợp đồng lao động ký kết giữa tại Công ty cổ phần S2 với chị Đào Thị T (do chị Đào Thị T1 ký) là không đúng quy định của pháp luật dẫn đến hậu quả là hiện nay chị T có 02 số sổ bảo hiểm xã hội là: Số sổ bảo hiểm 2508008567 được cấp tại Công ty TNHH S1, Khu C thành phố V, tỉnh P và Số sổ bảo hiểm 2510009084 được cấp tại Công ty cổ phần S2, Cụm C xã P, huyện P, tỉnh P với thời gian trùng đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2010 đến tháng 05/2010.

Người yêu cầu, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc lao động đều thống nhất đề nghị Tòa án yêu cầu Bảo hiểm xã hội huyện P, tỉnh P điều chỉnh thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 02/2010 đến tháng 05/2010 tại Công ty cổ phần S2 từ chị Đào Thị T sang chị Đào Thị T1. Xét yêu cầu của các đương sự là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động thực tế nên cần chấp nhận. Cần thiết điều chỉnh thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2010 đến tháng 05/2010 tại Công ty cổ phần S2 mang tên Đào Thị T sang cho chị Đào Thị T1, sinh ngày 07/07/1992 với số sổ bảo hiểm xã hội là 2510009084.

[3].Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu chị Đào Thị T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401; Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994;

Căn cứ Điều 389; Điều 132 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ vào khoản 1 điều 37 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị T.

- Tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty cổ phần S2 với chị Đào Thị T (do chị Đào Thị T1 ký) là vô hiệu toàn bộ.

- Về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Bảo hiểm xã hội huyện P, tỉnh P điều chỉnh thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ 02/2010 đến tháng 05/2010 tại Công ty cổ phần S2 mang tên chị Đào Thị T sang cho chị Đào Thị T1, sinh ngày 07/07/1992 với số sổ bảo hiểm xã hội là 2510009084.

2. Về lệ phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0001338 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P. Chị Đào Thị T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P có quyền kháng ng`hị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

Phạm Việt Hưng